

Số: *12* /2020/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày *27* tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng
trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành Văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 42/TTr-SNV ngày 13/4/2020 và Báo cáo thẩm định số 62/STP-BC ngày 03/4/2020 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2020 và thay thế Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ban hành quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh và Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng các Ban Xây dựng đảng và Văn phòng Tỉnh ủy; Thủ trưởng Cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc chung Khối Mặt trận Tổ

quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương;
- Vụ Thanh tra - Pháp chế, Ban TĐKT TW;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực: HĐND, UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- V0-4, TH6;
- Trung tâm Truyền thông tỉnh;
- Lưu: VT, TH4.

SL-QĐ75

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thắng

QUY ĐỊNH

Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 12 /2020/QĐ-UBND ngày 27 / 4 /2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định chi tiết thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, bao gồm: Nội dung thi đua, hình thức, đối tượng, tổ chức phong trào thi đua; tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định khen thưởng; trình tự thủ tục khen thưởng; quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng; quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tập thể được khen thưởng.

2. Những nội dung không được nêu tại Quy định này thì thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013 (sau đây viết tắt là Luật Thi đua, Khen thưởng) và các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, Khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng với các cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, các đơn vị sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi tắt là các cơ quan, đơn vị); gia đình, công dân Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài; người nước ngoài, cơ quan tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam có thành tích và công lao đóng góp cho sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ninh.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

Nguyên tắc thi đua và khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Luật Thi đua, Khen thưởng; Điều 3 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng (sau đây viết tắt là Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ) và Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ (sau đây viết tắt là Thông tư số 12/2019/TT-BNV của Bộ Nội vụ), cụ thể:

1. Nguyên tắc thi đua:

a) Tự nguyện, tự giác, công khai.

b) Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

c) Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua, thành tích đạt được trong các phong trào thi đua. Các cá nhân, tập thể tham gia phong trào thi đua phải xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu thi đua để đăng ký.

2. Nguyên tắc khen thưởng:

a) Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời.

b) Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được. Hình thức khen thưởng theo đợt, chuyên đề không tính làm điều kiện, tiêu chuẩn đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước.

c) Bảo đảm thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng. Hình thức khen thưởng phải phù hợp với đối tượng, chức năng, nhiệm vụ được giao của tập thể, cá nhân; khen thưởng phải căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn và thành tích đạt được, không nhất thiết phải có hình thức khen thưởng mức thấp mới được khen thưởng mức cao hơn. Kết hợp chặt chẽ động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất.

d) Chú trọng việc phát hiện và đề nghị khen thưởng thành tích đột xuất. Quan tâm khen thưởng tập thể nhỏ, cá nhân điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua; người dân tộc thiểu số, biên giới, biển đảo, miền núi, vùng sâu, vùng xa và cá nhân có nhiều sáng tạo trong lao động, học tập, công tác hoặc chiến đấu, phục vụ chiến đấu.

Khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ hoặc tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng. Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình công hiến được giảm 1/3 thời gian so với quy định chung; trường hợp quy định tuổi nghỉ hưu cao hơn thì thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình công hiến được thực hiện theo quy định chung.

e) Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng tập thể, cá nhân trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ.

Chương II

HÌNH THỨC, NỘI DUNG, TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC PHONG TRÀO THI ĐUA

Điều 4. Hình thức tổ chức phong trào thi đua

Hình thức tổ chức phong trào thi đua được thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 4 Thông tư 12/2019/TT-BNV của Bộ Nội vụ, cụ thể:

1. Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đối tượng thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng nhau.

Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, với các tiêu chí cụ thể và phải thiết thực, hiệu quả, động viên khuyến khích phong trào thi đua và được triển khai thực hiện tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc theo Cụm, Khối thi đua để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, trưởng các Cụm, Khối thi đua tiến hành tổng kết, bình xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

2. Thi đua theo đợt (hoặc theo chuyên đề) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ công tác trọng tâm hoặc một lĩnh vực cần tập trung, được xác định trong khoảng thời gian nhất định hoặc tổ chức thi đua để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ, cấp bách của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Chỉ phát động thi đua theo chuyên đề khi đã xác định rõ mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung, giải pháp và thời gian.

Điều 5. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

Nội dung tổ chức phong trào thi đua được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 5 Thông tư 12/2019/TT-BNV của Bộ Nội vụ. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm triển khai tổ chức thi đua trong phạm vi quản lý theo các nội dung sau:

1. Tổ chức phong trào thi đua gắn với nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương. Xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua; trên cơ sở đó đề ra các chỉ tiêu và nội dung thi đua cụ thể. Phong trào thi đua phải có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ hiểu, có chỉ tiêu, nội dung, kế hoạch, phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực, phù hợp với điều kiện, khả năng tham gia của tập thể, cá nhân.

2. Căn cứ đặc điểm, tính chất công tác, lao động, nghề nghiệp, phạm vi và đối tượng tham gia thi đua để đề ra nội dung, hình thức tổ chức phát động thi đua cho phù hợp. Coi trọng việc tuyên truyền về nội dung và ý nghĩa của phong trào thi đua, phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác của quần chúng. Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền nhân rộng điển hình tiên tiến, nhân tố mới, cách làm hay trong phong trào thi đua.

3. Triển khai các biện pháp tổ chức vận động quần chúng tham gia phong trào thi đua và theo dõi quá trình tổ chức thực hiện. Tổ chức chỉ đạo điểm để đánh giá kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và đề ra các biện pháp khắc phục để chỉ đạo, thực hiện có hiệu quả trong thời gian tiếp theo. Lấy việc phát hiện điển hình tiên tiến làm trọng tâm tổ chức các phong trào thi đua. Tăng cường phổ biến các sáng kiến, kinh nghiệm, cách làm hay, hiệu quả để mọi người học tập.

4. Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả phong trào thi đua và lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Tổng kết phong trào thi đua phải đánh giá đúng kết quả, hiệu quả, tác dụng; tôn tại, hạn chế và nguyên nhân; đồng thời rút ra những bài học kinh nghiệm trong việc tổ chức phong trào thi đua. Dân chủ, khách quan công khai bình xét, công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền để biểu dương, tôn vinh các gương điển hình tiên tiến đã lập thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua.

Điều 6. Trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh chỉ đạo, tổ chức, phát động phong trào thi đua của tỉnh.

2. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh về nội dung, tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi toàn tỉnh; phát động và tổ chức các phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề) đảm bảo bám sát nội dung phát động, kế hoạch tổ chức của Trung ương và phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh. Thực hiện việc sơ kết, tổng kết, xét duyệt khen thưởng và đề nghị khen thưởng đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

3. Cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc chung Khối Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện trong phạm vi chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của tổ chức mình đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động cán bộ, hội viên và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước.

4. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các Cụm, Khối thi đua và các cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm:

- Chỉ đạo, tổ chức, phát động và triển khai thực hiện phong trào thi đua trong phạm vi ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị mình quản lý.

- Tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua.

- Sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua trong phạm vi cơ quan, đơn vị, địa phương, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng; thực hiện khen thưởng theo thẩm quyền; nhân rộng các điển hình tiên tiến và tạo điều kiện cho các điển hình tiên tiến được giao lưu, trao đổi, phổ biến kinh nghiệm; thực hiện việc đề nghị cấp trên khen thưởng đảm bảo đúng quy định đối với mỗi phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề) do Ủy ban nhân dân tỉnh phát động và tổ chức.

5. Các cơ quan thông tin truyền thông của tỉnh và các cơ quan thông tin truyền thông của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh thường xuyên tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng; phổ biến, nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt; phát hiện các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua; đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Chương III
TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG
VÀ HIỆP Y KHEN THƯỞNG THUỘC THẨM QUYỀN
CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Điều 7. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 22 Luật Thi đua, Khen thưởng; khoản 2, Điều 9 và khoản 8, Điều 45 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể:

1. Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có ba lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

2. Có sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được Hội đồng Sáng kiến cấp tỉnh xét duyệt, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận; đề tài nghiên cứu khoa học hoặc là thành viên tham gia đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, bộ, ngành Trung ương hoặc các Viện nghiên cứu chuyên ngành đã được nghiệm thu ở mức đạt trở lên và được áp dụng trong thực tiễn.

Áp dụng thay thế giải pháp, sáng kiến trong việc xét duyệt, công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” đối với các trường hợp: Được tặng “Bằng lao động sáng tạo” của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; đạt giải nhất trong các cuộc thi chuyên môn, các cuộc thi khoa học, kỹ thuật do Ủy ban nhân dân tỉnh, các bộ, ngành Trung ương tổ chức hoặc đạt giải thưởng quốc tế, khu vực; là tác giả, hoặc đồng tác giả các giải thưởng cấp Nhà nước;

3. Được các thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen và cấp tỉnh bỏ phiếu kín và có tỷ lệ phiếu bầu đồng ý đạt từ 90% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản).

Điều 8. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”

Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 26 Luật Thi đua, Khen thưởng; Điều 12 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể:

1. Được đánh giá, bình xét, suy tôn là đơn vị xuất sắc tiêu biểu trong phong trào thi đua của Cụm, Khối thi đua hàng năm hoặc các phong trào thi đua chuyên đề do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, phát động khi sơ kết, tổng kết từ 03 năm trở lên. Đơn vị được đề nghị tặng thưởng Cờ thi đua phải có số phiếu cao nhất và phải đạt trên 50% tổng số phiếu bầu;

2. Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm, là tập thể tiêu biểu xuất sắc của tỉnh;

3. Có mô hình mới, nhân tố mới để các tập thể, cá nhân khác học tập;

4. Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác;

Điều 9. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”

1. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” được xét tặng hàng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 27 của Luật Thi đua, Khen thưởng và các nội dung cụ thể sau:

- a) Đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;
- b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
- c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;
- d) Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- đ) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Đối tượng xét, công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” gồm:

- a) Đối với cấp tỉnh: Các phòng chuyên môn và đơn vị thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương.
- b) Đối với cấp huyện gồm: Các phòng, ban và tương đương; các đơn vị trực thuộc cấp huyện; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.
- c) Đối với đơn vị sự nghiệp gồm:
 - Trường học: Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông, Trung tâm Hướng nghiệp và Giáo dục thường xuyên tỉnh, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện;
 - Các Bệnh viện và Trung tâm Y tế cấp huyện, Trung tâm thuộc Sở Y tế;
 - Khoa, phòng và tương đương thuộc các Trường Đại học, Cao đẳng thuộc tỉnh.

Điều 10. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho cá nhân, tập thể đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 72 Luật Thi đua, Khen thưởng; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 39 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể:

1. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được xét tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do tỉnh phát động;
- b) Lập được nhiều thành tích, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc tỉnh;
- c) Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở; đối với công nhân, nông dân, người lao động lập được nhiều thành tích trong lao động sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp.

2. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được xét tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do tỉnh phát động hàng năm;

b) Lập được nhiều thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc tỉnh;

c) Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách, pháp luật.

3. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được xét tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên.

4. Các trường hợp đặc biệt do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo thẩm quyền.

Điều 11. Thư khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Thư khen là hình thức động viên, khích lệ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các tập thể, cá nhân có thành tích, hành động nổi bật trong các lĩnh vực của đời sống xã hội để tuyên truyền, nêu gương.

Điều 12. Hiệp y khen thưởng

Việc Hiệp y khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định cụ thể sau:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ xét hiệp y khen thưởng theo đề nghị của Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương theo quy định.

2. Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ (sau đây viết tắt là Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) xin ý kiến của các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh có liên quan đối với hồ sơ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị Trung ương đóng chân trên địa bàn, doanh nghiệp và người đứng đầu doanh nghiệp khi đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc hiệp y thành tích đề nghị khen thưởng.

3. Khi có văn bản xin ý kiến của Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị (tính theo dấu bưu điện), cơ quan, đơn vị được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản. Sau thời hạn trên, nếu không có ý kiến trả lời, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh tiến hành các thủ tục trình khen thưởng. Thủ trưởng các cơ quan được xin ý kiến hiệp y chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung được xin ý kiến.

Điều 13. Quy định về xét duyệt khen thưởng và đề nghị khen thưởng

1. Việc đánh giá, công nhận mức độ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, phạm vi ảnh hưởng của các thành tích đề khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng do người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện và chịu trách nhiệm

trước pháp luật. Khi xét khen thưởng người đứng đầu và cấp phó người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương phải căn cứ vào tiêu chuẩn của cá nhân và thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo, quản lý.

2. Đối với khen thưởng cấp Nhà nước: Chỉ lấy kết quả khen thưởng theo công trạng và thành tích làm căn cứ xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Kết quả khen thưởng theo đợt (chuyên đề) được ghi nhận và ưu tiên khi xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Khi khen thưởng cấp nhà nước đối với tập thể có tổ chức Đảng, đoàn thể thì tổ chức Đảng, đoàn thể phải được đánh giá “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”.

3. Thời gian đề nghị khen thưởng lần tiếp theo được tính theo thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen thưởng không ghi thời gian thì việc đề nghị khen thưởng lần sau được tính theo thời gian ban hành quyết định khen thưởng lần trước.

4. Thời gian xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đối với tập thể, cá nhân thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh được xét sau khi kết thúc năm học như đối với các cơ sở giáo dục đào tạo.

5. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương của tỉnh khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua và chương trình công tác của cơ quan, đơn vị, địa phương mình thực hiện việc khen thưởng theo thẩm quyền. Không đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng cho đối tượng không do cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý hoặc các tập thể, cá nhân do cơ quan, đơn vị quản lý chuyên môn theo ngành dọc.

6. Khen thưởng nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống vào năm tròn (năm có số cuối là 0); khen thưởng nhân Đại hội nhiệm kỳ; khen thưởng sơ kết, tổng kết việc thực hiện luật, pháp lệnh, nghị định hoặc phục vụ hội nghị, hội thảo, diễn đàn quốc tế, khu vực...:

a) Chỉ thực hiện đối với đối tượng là các sở, ban, ngành; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh; các cơ quan, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang đóng chân trên địa bàn tỉnh; các cơ quan Trung ương trên địa bàn có Đảng bộ, Đảng đoàn, Ban cán sự đảng thuộc tỉnh.

b) Các cơ quan, đơn vị cần có văn bản báo cáo, xin ý kiến đồng ý của Ủy ban nhân dân tỉnh và xây dựng Kế hoạch tổ chức đảm bảo đúng quy định.

c) Việc lựa chọn các tập thể, cá nhân để đề nghị khen thưởng phải thực sự tiêu biểu xuất sắc, có nhiều đóng góp vào quá trình xây dựng và phát triển của cơ quan, đơn vị hoặc có nhiều thành tích đóng góp vào hoạt động của tổ chức trong nhiệm kỳ. Cá nhân được lựa chọn đề nghị khen thưởng nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống phải có thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị từ 10 năm trở lên; số lượng đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen không quá 10 tập thể, cá nhân.

7. Khen thưởng đối ngoại (khen thưởng có yếu tố nước ngoài), Sở Ngoại vụ có trách nhiệm:

a) Xét duyệt, trình đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng cho đối tượng là tổ chức và công dân Việt Nam ở nước ngoài; người nước ngoài, cơ quan tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam thuộc trách nhiệm quản lý.

b) Hiệp y khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài theo đề nghị của các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh.

8. Chỉ tiêu xét duyệt, đề nghị tặng thưởng Cờ thi đua của Chính phủ, Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh và Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các Cụm, Khối thi đua của tỉnh:

a) Các Cụm, Khối thi đua thuộc tỉnh: Lựa chọn, suy tôn 01 đơn vị tiêu biểu, xuất sắc nhất đề nghị tặng thưởng Cờ thi đua của Chính phủ và 01 đơn vị đề nghị tặng thưởng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh; lựa chọn tối đa không quá 50% số đơn vị còn lại đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen. Không thực hiện việc suy tôn, đề nghị tặng thưởng Cờ thi đua của Chính phủ đối với các đơn vị Trung ương trên địa bàn.

Cụm trưởng, Khối trưởng có trách nhiệm trình đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc đề nghị Thủ tướng Chính phủ khen thưởng cho các đơn vị thành viên trong Cụm, Khối thi đua.

b) Các Cụm, Khối thi đua thuộc, trực thuộc các sở, ngành, địa phương của tỉnh và cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh: Căn cứ vào thành tích đạt được và các quy định tại Điều 8 và điểm c khoản 2 Điều 10 của Quy định này lựa chọn, suy tôn 01 đơn vị tiêu biểu, xuất sắc nhất đề nghị tặng thưởng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh; lựa chọn tối đa không quá 40% số đơn vị còn lại đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen.

c) Việc xét duyệt, đề nghị tặng thưởng “Cờ thi đua của Chính phủ” đối với các cấp học thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo; các Bệnh viện và Trung tâm Y tế thuộc tỉnh; các xã, phường, thị trấn:

- Lĩnh vực giáo dục, đào tạo: Trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh) thống nhất với Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở Giáo dục và Đào tạo xét, lựa chọn mỗi bậc học (Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên) 01 đơn vị dẫn đầu Khối thi đua của bậc học đó để tham mưu Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh duyệt, đề nghị Chính phủ tặng thưởng Cờ thi đua.

- Lĩnh vực Y tế: Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh phối hợp với Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở Y tế xét, lựa chọn 03 đơn vị tiêu biểu, xuất sắc nhất dẫn đầu các Khối thi đua thuộc ngành Y tế để tham mưu Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh duyệt, đề nghị Chính phủ tặng thưởng Cờ thi đua.

- Các xã, phường, thị trấn: Trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh xét, lựa chọn 03 đơn vị tiêu

biểu, xuất sắc nhất, dẫn đầu các Cụm thi đua xã, phường, thị trấn để tham mưu Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh duyệt, đề nghị Chính phủ tặng thưởng Cờ thi đua.

9. Kết thúc năm công tác, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, tiến hành tổng kết, bình xét các danh hiệu thi đua theo quy trình cụ thể như sau:

- Xét, công nhận sáng kiến;

- Đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với tập thể, cá nhân. Trình tự, tiêu chuẩn thực hiện theo quy định hiện hành;

- Xét, công nhận hoặc đề nghị công nhận các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thực hiện theo nguyên tắc: Xét danh hiệu thi đua trước, hình thức khen thưởng sau; xét cá nhân trước, tập thể sau; xét tập thể nhỏ, cấp cơ sở trước, xét tập thể lớn, đơn vị cấp trên sau.

10. Về công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng:

a) Việc xét, công nhận sáng kiến thực hiện theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến và Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP .

b) Việc đánh giá, công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua hình thức khen thưởng do Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xem xét, công nhận thông qua kết quả tham mưu, tư vấn của Hội đồng Sáng kiến do Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định thành lập.

Thành phần Hội đồng gồm những thành viên có trình độ quản lý chuyên môn, kỹ thuật, có năng lực đánh giá, thẩm định các sáng kiến cải tiến hoặc các giải pháp trong quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

c) Việc xét, nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện theo Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản quy định chi tiết thi hành. Đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua các cấp và khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng là đề tài khoa học đã được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền nghiệm thu mức đạt trở lên. Đối tượng được công nhận có đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét khen thưởng là Chủ nhiệm đề tài và người trực tiếp tham gia nghiên cứu đề tài.

d) Căn cứ quy định về đối tượng, tiêu chuẩn, thành tích đạt được và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học, Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng các hình thức theo quy định.

Chương IV

THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 14. Trách nhiệm xét duyệt khen thưởng và đề nghị khen thưởng

1. Danh hiệu thi đua được bình xét và đề nghị từ đơn vị cơ sở thuộc cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã. Cấp quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hoặc người đứng đầu doanh nghiệp, hợp tác xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng hoặc trình cấp trên xét tặng danh hiệu thi đua, khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

2. Người đứng đầu cấp có thẩm quyền chịu trách nhiệm về quyết định khen thưởng của cấp mình và việc trình cấp trên khen thưởng; có trách nhiệm phát hiện, xây dựng điển hình tiên tiến là công nhân, nông dân, người lao động ở các thành phần kinh tế để khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

Điều 15. Tuyến trình khen thưởng

Tuyến trình khen thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể:

1. Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

Cấp nào chủ trì phát động thi đua, khi tổng kết có trách nhiệm lựa chọn các điển hình tiên tiến để khen thưởng theo thẩm quyền. Trường hợp thành tích đặc biệt xuất sắc thì trình cấp trên khen thưởng và phải có văn bản thống nhất của các cơ quan chủ quản của đối tượng được đề nghị khen thưởng.

2. Đại biểu Quốc hội chuyên trách; tập thể, cá nhân thuộc cơ quan Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

3. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách của tỉnh, do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

4. Đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách, tập thể thuộc Hội đồng nhân dân cấp huyện do Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

5. Tập thể, cá nhân làm chuyên trách công tác đảng, đoàn thể: Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức và quỹ lương thì cấp đó xét khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

a) Tập thể, cá nhân chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp tỉnh, do cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng;

b) Tập thể chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp huyện, do cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện khen thưởng hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

6. Đối với các tổ chức kinh tế:

a) Đối với Quỹ tín dụng nhân dân do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

b) Đối với các doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ do đại diện chủ sở hữu Nhà nước đối với doanh nghiệp khen thưởng hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng.

c) Tập thể, cá nhân thuộc doanh nghiệp đăng ký kinh doanh, hoạt động và đặt trụ sở giao dịch chính trên địa bàn tỉnh (bao gồm doanh nghiệp hạch toán phụ thuộc hoạt động ở địa phương khác) do người đứng đầu doanh nghiệp khen thưởng hoặc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

d) Trường hợp tập thể, cá nhân thuộc doanh nghiệp không đặt trụ sở chính trên địa bàn tỉnh nhưng có thành tích đóng góp cho tỉnh thì do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

e) Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế của tỉnh quyết định khen thưởng và đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng cho các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu kinh tế thuộc tỉnh.

7. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh xét, đề nghị khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân trực thuộc có thành tích trong công tác hoặc tham gia các phong trào thi đua do tỉnh tổ chức, phát động.

Điều 16. Đối tượng, danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước phải có ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Đối tượng, danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước phải có ý kiến bằng văn bản của Ban Thường vụ Tỉnh ủy trước khi trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng gồm:

1. Cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

2. Các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng: Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập (các hạng); danh hiệu Nhà giáo Nhân dân, Thầy thuốc Nhân dân, Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ nhân nhân dân; danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc; danh hiệu Anh hùng Lao động và Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Điều 17. Hồ sơ đề nghị công nhận các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

Thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật Thi đua, Khen thưởng; các quy định có liên quan theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 12/2019/TT-BNV của Bộ Nội vụ và một số nội dung cụ thể sau:

1. Quy định chung.

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng, Biên bản họp bình xét thi đua, khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng (bao gồm từ cấp cơ sở);

b) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị công nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; có xác nhận của Thủ trưởng trực tiếp quản lý và của cấp trình khen. Việc xác nhận thành tích đề nghị khen thưởng phải do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp xác nhận.

- Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng phải phù hợp với hình thức, mức hạng khen thưởng theo quy định. Nội dung báo cáo thành tích phải thể hiện được các tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định, phải nêu thành tích, công trạng đạt được trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao tính đến thời điểm đề nghị khen thưởng (theo mẫu từ 01 đến 09 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ).

- Trong báo cáo thành tích phải ghi cụ thể số Quyết định, ngày, tháng, năm được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng của cấp có thẩm quyền; số Quyết định và ngày, tháng, năm công nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học, tóm tắt hiệu quả mà sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đã mang lại trong phạm vi cấp cơ sở, cấp tỉnh.

c) Việc khen thưởng đối với doanh nghiệp thuộc đối tượng kiểm toán phải có Báo cáo kết quả kiểm toán của cơ quan kiểm toán có thẩm quyền. Đối với doanh nghiệp không thuộc đối tượng kiểm toán trong Báo cáo thành tích phải nêu căn cứ không thuộc đối tượng kiểm toán.

d) Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, khi trình các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho tập thể hoặc cá nhân là thủ trưởng đơn vị, trong hồ sơ đề nghị khen thưởng phải có văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế có thẩm quyền.

đ) Các văn bản trong hồ sơ khen thưởng có từ 02 trang trở lên phải đóng dấu giáp lai của cơ quan trực tiếp lập hồ sơ trình khen thưởng.

2. Hồ sơ xét tặng các danh hiệu thi đua.

a) Hồ sơ đề nghị công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”:

- Tờ trình đề nghị của địa phương, đơn vị;

- Báo cáo thành tích của cá nhân;

- 01 bản Quyết định công nhận của Hội đồng Sáng kiến cấp tỉnh hoặc văn bản nghiệm thu đề tài khoa học cấp tỉnh, Bằng lao động sáng tạo; quyết định công nhận đạt giải cuộc thi về chuyên môn hoặc giải thưởng Nhà nước;

- Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín suy tôn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng địa phương, đơn vị.

b) Hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”:

- Tờ trình đề nghị của địa phương, đơn vị;

- Báo cáo thành tích của tập thể;

- Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín suy tôn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng địa phương, đơn vị.

c) Hồ sơ đề nghị tặng thưởng Cờ thi đua:

- Tờ trình đề nghị của đơn vị, địa phương hoặc đơn vị Cụm trưởng, Khối trưởng các Cụm, Khối thi đua của tỉnh;

- Báo cáo thành tích của tập thể được đề nghị, có xác nhận của Thủ trưởng cấp trên trực tiếp quản lý;

- Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín suy tôn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị, địa phương hoặc Cụm, Khối thi đua thuộc tỉnh.

3. Hồ sơ đề nghị khen thưởng gồm:

- Tờ trình đề nghị khen thưởng của cơ quan, đơn vị;

- Biên bản họp xét duyệt của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen;

- Báo cáo thành tích của các đối tượng đề nghị khen thưởng.

4. Đối với các Cụm, Khối thi đua được giao cho đơn vị Sở, ngành, địa phương chủ quản chủ trì, phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng theo dõi, chỉ đạo hoạt động thì do Sở, ngành, địa phương đó hoàn thiện hồ sơ, trình đề nghị khen thưởng theo quy định.

- Đối với các Cụm, Khối thi đua được giao cho Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh theo dõi, chỉ đạo hoặc chủ trì, phối hợp với Sở, ngành, địa phương theo dõi, chỉ đạo hoạt động thì do đơn vị Cụm trưởng, Khối trưởng luân phiên hoàn thiện hồ sơ, trình đề nghị khen thưởng theo quy định. Hồ sơ đề nghị khen thưởng của mỗi đơn vị thuộc các Cụm, Khối đó phải có văn bản đề nghị và phần xác nhận tại Báo cáo thành tích của đơn vị chủ quản, quản lý trực tiếp.

5. Khen thưởng theo thủ tục đơn giản gồm:

a) Những trường hợp có đủ các điều kiện sau đây được đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản:

- Việc khen thưởng phục vụ yêu cầu chính trị, kịp thời động viên, khích lệ quần chúng;

- Cá nhân, tập thể lập được thành tích xuất sắc đột xuất trong chiến đấu, công tác, lao động, học tập.

b) Hồ sơ đề nghị khen thưởng gồm:

- Tờ trình đề nghị của đơn vị trình khen thưởng;

- Bản tóm tắt thành tích của cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp ghi rõ hành động, thành tích, công trạng để đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản.

Điều 18. Thời gian nộp hồ sơ, số lượng hồ sơ

1. Thời gian nộp hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được:

- Các Cụm, Khối thi đua thuộc tỉnh trình hồ sơ đề nghị khen thưởng cho các đơn vị thành viên trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

- Các cơ quan, đơn vị, trình hồ sơ đề nghị khen thưởng cho các tập thể và cá nhân thuộc phạm vi quản lý trước ngày 31 tháng 01 năm liền kề.

- Trước 30 tháng 8 hàng năm, trình hồ sơ đề nghị khen thưởng các cơ quan thuộc Bộ Tài chính, Ngân hàng và các tập thể, cá nhân thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo (bao gồm các tập thể, cá nhân thuộc: Sở Giáo dục và Đào tạo; Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố; các Trường Đại học, Cao đẳng sau khi kết thúc năm học).

2. Thời gian trình hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước theo công trạng và thành tích đạt được theo các đợt sau đây:

- Trước ngày 15 tháng 02 hàng năm, trình hồ sơ đề nghị tặng thưởng Cờ thi đua của Chính phủ.

- Trước ngày 28 tháng 02 hàng năm, trình hồ sơ đề nghị khen thưởng của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh.

- Trước ngày 30 tháng 8 hàng năm, trình hồ sơ đề nghị khen thưởng của ngành Giáo dục và Đào tạo.

3. Số lượng hồ sơ đề nghị khen thưởng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và để đảm bảo lưu trữ hồ sơ theo quy định, số lượng hồ sơ đề nghị khen thưởng được thực hiện cụ thể như sau:

- Hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng: 02 bộ.

- Hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ khen thưởng: 05 bộ.

- Hồ sơ đề nghị Chủ tịch nước khen thưởng: 06 bộ.

Khi đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng bằng văn bản thì đồng thời gửi kèm file điện tử về Ban Thi đua - Khen thưởng.

4. Các cơ quan, bộ phận làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp có trách nhiệm kiểm tra về quy trình, thủ tục, hồ sơ và đối chiếu với tiêu chuẩn khen thưởng do Luật thi đua, Khen thưởng và Ủy ban nhân dân tỉnh quy định đối với các đối tượng trình khen thưởng.

5. Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản được thực hiện đối với những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đột xuất như: Học sinh, vận động viên đạt giải trong các kỳ thi, các gương dũng cảm, quên mình cứu người, cứu tài sản, bắt cướp, khen ủng hộ từ thiện, nhân đạo, đối ngoại..., cơ quan chuyên môn làm công tác thi đua, khen thưởng cấp đề nghị có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ, trình cấp có thẩm quyền xét động viên, khen thưởng kịp thời.

Điều 19. Hồ sơ, thủ tục, hủy bỏ quyết định khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 78 Nghị định số 91/2017/NĐ- CP của

Chính phủ, cụ thể:

1. Cá nhân gian dối trong việc kê khai thành tích để được khen thưởng thì bị hủy bỏ quyết định khen thưởng và bị thu hồi hiện vật, tiền thưởng đã nhận.

2. Căn cứ vào kết luận của cơ quan có thẩm quyền xác định việc cá nhân kê khai gian dối thành tích để được khen thưởng, cơ quan trình khen thưởng có trách nhiệm đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng ban hành quyết định hủy bỏ.

3. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ quyết định gồm có:

- Tờ trình của cơ quan trực tiếp trình khen thưởng đối với từng loại hình khen thưởng cho cá nhân;

- Báo cáo lý do trình cấp có thẩm quyền hủy bỏ quyết định khen thưởng.

4. Trường hợp tổ chức, cá nhân đã được tặng danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng, mà sau đó có kết luận của cơ quan có thẩm quyền về việc có sai phạm, khuyết điểm trong khoảng thời gian tính thành tích đề nghị tặng danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng thì tùy theo mức độ sai phạm, khuyết điểm để hạ mức khen thưởng hoặc hủy bỏ quyết định khen thưởng theo quy định (trừ những cá nhân đã hy sinh, tử trận).

5. Sau khi có quyết định hủy bỏ hình thức khen thưởng, cơ quan trình khen thưởng có trách nhiệm thu hồi hiện vật khen thưởng giao nộp về cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng cùng cấp; số tiền thưởng thu nộp vào ngân sách nhà nước hoặc quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định.

Điều 20. Lưu trữ hồ sơ khen thưởng

1. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh chịu trách nhiệm lưu trữ hồ sơ khen thưởng của tỉnh.

2. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của cấp mình để thực hiện việc tra cứu, giải quyết đơn, thư khiếu nại hoặc xác nhận khen thưởng khi các đối tượng có yêu cầu.

Hết thời hạn quy định, hồ sơ phải được nộp lưu trữ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Chương V

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 21. Đào tạo, bồi dưỡng

1. Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ) có trách nhiệm tham mưu xây dựng kế hoạch, nội dung, chương trình, tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác thi đua, khen thưởng trong phạm vi toàn tỉnh.

2. Cơ quan chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp xây dựng kế hoạch hàng năm để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ làm thi đua, khen thưởng.

Điều 22. Thanh tra, kiểm tra

1. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh phối hợp trong việc tham mưu xây dựng kế hoạch thanh tra chuyên ngành việc thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng theo quy định.

Tham mưu cho Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh kiểm tra, giám sát công tác thi đua, khen thưởng; bổ sung biện pháp nâng cao chất lượng công tác thi đua, khen thưởng; hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ về công tác thi đua, khen thưởng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Cơ quan chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp tham mưu cho Hội đồng Thi đua - Khen thưởng xây dựng kế hoạch hàng năm, tổ chức kiểm tra việc tổ chức phong trào thi đua và thực hiện chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 23. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh theo quy định tại Điều 63 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở.

Thủ trưởng các cơ quan, địa phương, đơn vị thuộc tỉnh kiện toàn Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cấp mình để tham mưu cho cấp ủy Đảng và chính quyền về công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, địa phương, đơn vị mình.

a) Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng gồm:

- Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng cơ quan, địa phương, đơn vị;

- Phó Chủ tịch Hội đồng là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân (đối với các huyện, thị xã, thành phố); đại diện Lãnh đạo cơ quan, bộ phận làm công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, địa phương, đơn vị;

- Các thành viên của Hội đồng là đại diện tổ chức đảng, đoàn thể, một số lĩnh vực chuyên môn cần thiết của cơ quan, địa phương, đơn vị.

b) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn;

- Tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, địa phương, đơn vị kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách về thi đua, khen thưởng;

- Tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, địa phương, đơn vị phong tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền và trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 24. Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Việc lập quỹ thi đua, khen thưởng; nguồn, mức trích lập quỹ và quản lý quỹ thi đua, khen thưởng các cấp thực hiện theo quy định tại các Điều 64, 65 và 67 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Việc sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 66 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể:

a) Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh được dùng để chi trong việc tổ chức thực hiện phong trào thi đua và chi thưởng đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng mà thành tích đạt được trong thời kỳ đổi mới (trừ trường hợp danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng) và được sử dụng để:

- Chi cho in ấn, làm hiện vật khen thưởng (giấy chứng nhận, bằng khen, huy hiệu, kỷ niệm chương, cờ thi đua, hộp, khung);

- Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm cho các cá nhân, tập thể;

- Trích 20% trong tổng Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh để chi tổ chức, chỉ đạo, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua; công tác tuyên truyền, phổ biến nhân điển hình tiên tiến; thanh tra, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về công tác thi đua, khen thưởng.

b) Cá nhân, tập thể được khen thưởng ngoài việc được công nhận các danh hiệu thi đua, hiện vật khen thưởng còn được thưởng tiền hoặc hiện vật có giá trị tương đương quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 73 và Điều 74 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ theo nguyên tắc:

- Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cao hơn thì mức tiền thưởng cao hơn. Trong cùng một hình thức, cùng một mức khen, mức tiền thưởng đối với tập thể cao hơn mức tiền thưởng đối với cá nhân;

- Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì nhận mức tiền thưởng cao nhất;

- Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua;

- Trong cùng thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của hình thức khen thưởng.

c) Người Việt Nam ở nước ngoài, cá nhân tập thể người nước ngoài, được nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng kèm theo tặng phẩm lưu niệm.

d) Căn cứ vào mức độ và tính chất, thành tích xuất sắc đột xuất đạt được của tập thể, cá nhân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ quyết định mức thưởng đột xuất cho từng trường hợp cụ thể.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm Luật Thi đua, Khen thưởng, các văn bản hướng dẫn thi hành của Trung ương và Quy định này; chỉ đạo tổ chức các phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi mà cơ quan, đơn vị, địa phương mình quản lý.

2. Xây dựng quy định về công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương và tổ chức thực hiện đảm bảo đúng Luật Thi đua, Khen thưởng, các văn bản hướng dẫn thi hành và Quy định này.

Điều 26. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) có trách nhiệm:

- Xây dựng hướng dẫn chi tiết thực hiện Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh để thống nhất thực hiện.

- Kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương và các Cụm, Khối thi đua tổ chức thực hiện nghiêm Quy định này.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời về Sở Nội vụ (qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) để tổng hợp, nghiên cứu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thắng